

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP VICASA - VNSTEEL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11...../CV-HĐQT-VCA

Biên Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2025

V/v: CBTT báo cáo thường niên
năm 2024.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

1. Tên công ty: **Công Ty Cổ Phần Thép VICASA – VNSTEEL**
2. Mã chứng khoán: **VCA**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0251.3836148 Fax: 0251.3836505
5. Người thực hiện công bố thông tin:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh; Chức vụ: Phụ trách kế toán Công ty; Điện thoại:
0979575985
6. Loại thông tin công bố: ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu
7. Nội dung thông tin công bố: **Công ty Cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL công
bố thông tin báo cáo thường niên năm 2024.**
8. Địa chỉ Website đăng tải nội dung thông tin công bố: <https://vicasasteel.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT Cty.

Người được ủy quyền CBTT



Nguyễn Thị Ngọc Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP
VICASA-VNSTEEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **07** /BC-HĐQT-VCA

Biên Hòa, ngày 21 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL
NĂM 2024

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **3600961762**
- Vốn điều lệ: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, đường số 9, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: **0251.3836148**
- Số fax: **0251.3836505**
- Website: **www.vicasasteel.com**;
- Mã cổ phiếu (nếu có): **VCA**

Quá trình hình thành và phát triển

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000474 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25/12/2007.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/12/2010.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/05/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/10/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/04/2014.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/04/2016.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/08/2018.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2019.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14/08/2024.

* Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán (VCA) tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 15/11/2010.

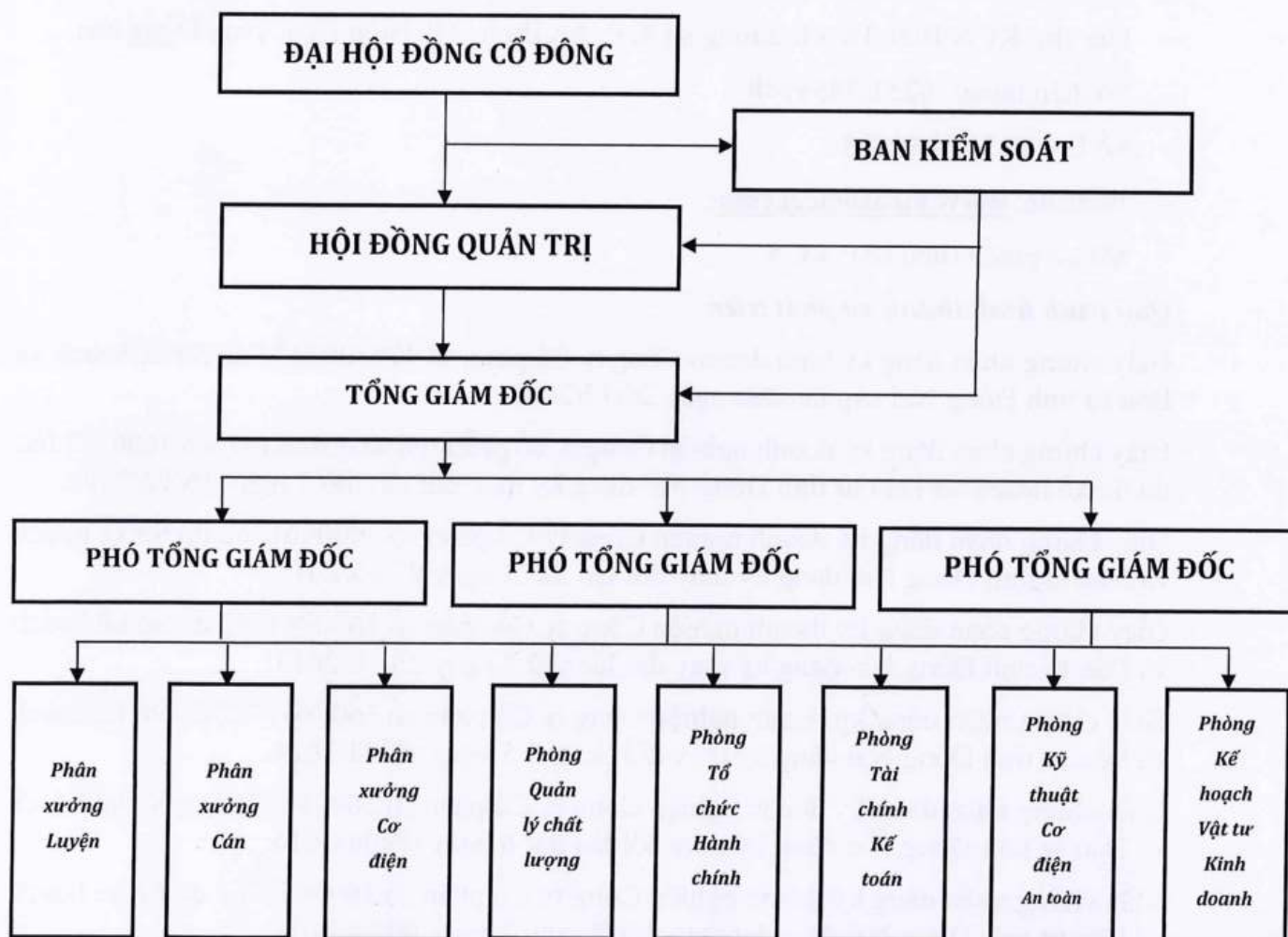
* Quyết định số 891/QĐ-SGDHCM ngày 30/12/2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM về việc: Chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty cổ phần thép VICASA – VNSTEEL tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:** + Sản phẩm thép cán
+ Sản phẩm phôi thép
- **Địa bàn kinh doanh:** + Thành phố Hồ Chí Minh
+ Bà Rịa - Vũng Tàu
+ Nha Trang
+ Cần Thơ

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị.**



- **Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:** Theo mô hình Công ty Cổ phần, bao gồm:
+ Đại hội đồng Cổ đông;

- + Hội đồng Quản trị;
- + Ban Kiểm soát;
- + Ban Tổng Giám đốc;
- + Các phòng chuyên môn;
- + Các phân xưởng.

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề có liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên không chuyên trách và 01 thành viên độc lập.

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Xuân Sơn | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2. Ông Ngô Tiến Thọ | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Nguyễn Văn Thoan | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Hoàng Ngọc Chiến | Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Nguyễn Bảo Giang | Thành viên HĐQT |

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra báo cáo Tài chính hàng quý, năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

- | | |
|--------------------------|----------------------|
| 1. Ông Nguyễn Phước Hải | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2. Ông Nguyễn Bạch Đường | Thành viên BKS |
| 3. Ông Đặng Minh Đức | Thành viên BKS |

Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban phân xưởng chức năng.

Các phó Tổng giám đốc: Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm

trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện nay gồm 01 Tổng giám đốc và 03 phó Tổng Giám đốc:

- | | |
|--------------------------|--|
| + Ông Ngô Tiến Thọ | Tổng giám Đốc |
| + Ông Vương Thanh Đường | Phó Tổng Giám đốc |
| + Ông Vũ Hồng Khanh | Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng TCHC |
| + Ông Nguyễn Quyết Chiến | Phó Tổng Giám đốc kiêm Quản đốc PX. Cán thép |

Phụ trách kế toán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh.

Các Phòng Ban, Phân xưởng của Công ty: gồm 05 phòng và 03 phân xưởng.

- | | |
|------------------------------------|--|
| + Phòng Tổ chức Hành chính: | Ông Vũ Hồng Khanh: Phó Tổng Giám đốc
Kiêm Trưởng Phòng TCHC |
| + Phòng Tài chính Kế toán | Ông Trần Văn Nhơn: Trưởng phòng |
| + Phòng Kế hoạch Vật tư Kinh doanh | Ông Nguyễn Xuân Khoa: Q. Trưởng phòng |
| + Phòng Kỹ thuật Cơ điện An toàn | Ông Nguyễn Tiến Cường: Trưởng phòng |
| + Phòng Quản lý Chất lượng | Bà Nguyễn Thị Hải Đường: Trưởng phòng |
| + Phân xưởng Luyện | Ông Nguyễn Trọng Ba: Phó Quản đốc
Phụ trách Phân xưởng. |
| + Phân xưởng Cán | Ông Nguyễn Quyết Chiến: Phó Tổng Giám đốc
Kiêm quản đốc Phân xưởng. |
| + Phân xưởng Cơ điện | Ông Phạm Xuân Phong: Quản đốc. |

– **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có Công ty con, không có Công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

– **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2024** (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024) như sau:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| + Kế hoạch sản xuất: | |
| Sản lượng phôi thép: | 110.000 tấn. |
| Sản lượng thép cán: | 98.000 tấn. |
| + Kế hoạch tiêu thụ: | |
| Tiêu thụ thép cán: | 98.000 tấn. |
| + Lợi nhuận trước thuế: | 8.000 triệu đồng. |
| + Cổ tức: | 00% |

5. Các rủi ro:

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các yếu tố rủi ro hiện nay tác động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Cuộc xung đột giữa Nga – Ukraina đã kéo dài và hiện tại chưa kết thúc.
- Nhu cầu đối với mặt hàng thép trên thế giới suy yếu, thị trường xuất khẩu không thuận lợi do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, nhu cầu tiêu thụ trong nước sụt giảm, các dự án đầu tư bất động sản gặp nhiều khó khăn.
- Tuy nhiên, các rào cản pháp lý đang dần được tháo gỡ giúp thị trường bất động sản trong nước phát triển lành mạnh hơn. Giá thép và nguyên vật liệu thô ổn định hơn, có thể giúp ổn định và mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh cho các Công ty thép trong năm 2025. Chính sách của Chính phủ về việc tăng vốn đầu tư công có thể giúp kích thích phát triển kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành thép tăng trưởng trở lại.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2024

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đvt	Năm 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ % so với năm trước	Tỷ lệ % so với KH 2024
I	Sản xuất:						
1	- Phôi thép	Tấn	124.953	110.000	103.498	82,83	94,09
2	- Thép cán	Tấn	94.361	98.000	81.843	86,73	83,51
II	Tiêu thụ:						
1	- Phôi thép	Tấn	29.795	20.000	19.183	64,38	95,92
2	- Thép cán	Tấn	93.672	98.000	82.508	88,08	84,19
III	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.725	1.783	1.358	78,72	76,16
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,942	8,000	1,047	11,71	13,09

- Sản lượng sản xuất phôi thép đạt 94,09% kế hoạch năm.
- Sản lượng sản xuất thép cán đạt 83,51% kế hoạch năm.
- Sản lượng tiêu thụ thép cán đạt 84,19% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 1,047 tỷ đồng, không đạt so với kế hoạch.

Kết quả sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận năm 2024 Công ty không đạt chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh doanh rất khó khăn do nhiều yếu tố khách quan, đạt được kết quả trên là thành quả rất đáng ghi nhận, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty đã cố gắng duy trì sản xuất, đáp ứng đầy đủ, kịp thời chủng loại sản phẩm cho thị trường, đồng thời cố gắng đảm bảo việc làm, ổn định đời sống cho Người lao động.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

2.1. Ông Ngô Tiến Thọ: Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim đen, Cử nhân ngôn ngữ Anh, Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.278.125 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu 00 cổ phiếu; cổ phiếu được ủy quyền 2.278.125 cổ phiếu).

2.2. Ông Vương Thanh Đường: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.587 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu 2.587 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền 00 cổ phiếu).

2.3. Ông Vũ Hồng Khanh: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.137 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu 2.137 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền 00 cổ phiếu).

2.4. Ông Nguyễn Quyết Chiến: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cán thép

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.250 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu 2.250 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền 00 cổ phiếu).

2.5. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh: Phụ trách kế toán Công ty

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán – kiểm toán.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 00 cổ phiếu phổ thông.

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

+ Ngày 15/4/2024: Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Hoàng Đức Hoa (Lý do: Chuyển công tác).

+ Ngày 03/6/2024: Bổ nhiệm ông Nguyễn Quyết Chiến giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc.

+ Ngày 03/6/2024: Bổ nhiệm ông Vũ Hồng Khanh giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc.

+ Ngày 03/6/2024: Bổ nhiệm Bà Trương Thị Kim Anh giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty.

+ Ngày 09/8/2024: Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với Ông Huỳnh Công Du (Lý do: Nghỉ hưu trước tuổi).

+ Ngày 09/8/2024: Bổ nhiệm ông Ngô Tiến Thọ giữ chức danh Tổng Giám đốc.

+ Ngày 20/10/2024: Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Bà Trương Thị Kim Anh (Lý do: Thay đổi nhiệm vụ công tác).

+ Ngày 20/10/2024: Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh giữ chức danh Phụ trách kế toán Công ty.

- Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty có đến 31/12/2024 là: 290 người.

+ Số lao động bình quân năm: 302 người.

+ Số lao động giảm so với đầu năm là: 24 lao động. Nghỉ hưu: 03 người, chuyển công tác: 02 người, nghỉ việc: 19 người. Số lao động được tuyển dụng trong năm: 04 người.

+ Chính sách đối với người lao động: Mặc dù sản lượng bị sụt giảm nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì các chế độ phúc lợi cho Người lao động, điển hình như sau: Thực hiện chế độ nghỉ mát cho CBCNV: 4.000.000 đồng/người, chế độ đồng phục cho Người lao động: 3.000.000 đồng/người. Tặng quà cho CBCNV nhân ngày sinh nhật, Tết trung thu, tặng quà cho Chị Em phụ nữ ngày 8/3, con thương binh nhân kỷ niệm ngày thương binh liệt sỹ 27/7, mua bảo hiểm sức khỏe của Bảo Việt cho CBCNV Công ty...

3. Tình hình đầu tư phát triển và đầu tư mua sắm tài sản cố định (TSCĐ)

- Công tác đầu tư: Không có.

- Công tác sửa chữa lớn: Trong năm 2024, Công ty thực hiện một số hạng mục sửa chữa lớn như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Hạng mục	KH SCL (chưa VAT)	Chi phí phát sinh (Chưa VAT)	Quyết toán (Chưa VAT)	Chênh lệch QT và KH
A	B	1	2	3	4 = 3 - 1
1	Sửa chữa đáy thùng nạp liệu lò EAF	100	209	209	109
2	Sửa chữa tay vươn điện cực số 2 lò EAF	100	83	83	-17
3	Sửa chữa, gia cố nhà xưởng 60 tấn khu vực ĐLT	250	Không thực hiện		
4	Sửa chữa máy cắt băm số 1	600	205	205	-395
5	Sửa chữa bê tông nền khu vực chứa phế liệu cạnh máy cắt băm số 2	450	Không thực hiện		
6	Sửa chữa máy biến thế 6MVA - 15/0.27KV Lò LF	400	Không thực hiện		
7	Sửa chữa khu vực thép thanh (đêm thép tự động)	500	Đang thực hiện		
8	Sửa chữa hộp giảm tốc K18, K19	300	265	265	-35
9	Sửa chữa máy biến thế 1.250KVA - 22/0,4KV	240	Chưa thực hiện		
10	Sửa chữa máy cắt hợp bộ 24KV-630A trạm 22KV	600	370	370	-230
11	Sửa chữa máy làm lạnh không khí 5.000m ³	950	Không thực hiện		
12	Sửa chữa máy BT nguồn 30MVA - 110/15KV	1.500	592	592	-908
13	Sửa chữa, vét hệ thống mương thoát nước	400	397	397	-3
14	Sửa chữa, chống dột nhà xưởng sản xuất	1.050	949	949	-101

15	Sửa chữa, chống dột kho vật tư, kho thành phẩm	550	525	525	-25
16	Sửa chữa nền nhà xưởng, đường nội bộ	450	447	447	-3
17	Sửa chữa hệ thống xử lý nước thải và tách nước mưa-nước thải	200	Không thực hiện		
Tổng cộng		8.640	4.042	4.042	-1.608

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	282,650	319,965	13,20%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.724,963	1.357,758	(21,29)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	8,852	1,047	(88,17)
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,090	0	(100,00)
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,942	1,047	(88,29)
Lợi nhuận sau thuế	%	7,291	1,037	(85,78)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	-	-	-

b) Chỉ số tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ số	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	7,84%	13,55%
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	92,16%	86,45%
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	39,88%	32,00%
4	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	60,12%	68,00%
5	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,78	0,84
6	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,31	2,70
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	0,08%	0,42%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	%	0,32%	2,58%
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,54%	3,79%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VND	68	480

Nhận xét:

- Tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản giảm, tương ứng với tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản tăng, nguyên nhân do tổng tài sản ngắn hạn so với cùng kỳ tăng, trong khi tổng tài sản dài hạn lại giảm.

- Tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn tăng, tương ứng với tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn giảm, chủ yếu do khoản vay ngắn hạn ngân hàng tăng.

- Khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện hành đều giảm, chủ yếu do khoản nợ ngắn hạn tăng.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu đều giảm, chủ yếu do lợi nhuận giảm.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu so với cùng kỳ giảm, do lợi nhuận giảm.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 17/9/2024):

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 15.187.322 cổ phần phổ thông.

Trong đó:

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 15.187.322 cổ phiếu.

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 00 cổ phiếu.

a) Cơ cấu cổ đông:

- **Cổ đông trong nước:** 15.090.324 CP Tỷ lệ: 99,42%

+ **Cổ đông Nhà nước:** 9.871.875 CP Tỷ lệ: 65,04%

+ **Cổ đông tổ chức:** 1.094.227 CP Tỷ lệ: 7,21%

+ **Cổ đông cá nhân:** 4.124.222 CP Tỷ lệ: 27,17%

- **Cổ đông nước ngoài:** 88.175 CP Tỷ lệ: 0,58%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: 68.115 tấn CO₂.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Kiểm kê khí thải nhà kính: Từ năm 2023 Công ty đã ký Hợp đồng với đơn vị tư vấn là Công ty CP RCEE-NIRAS để thực hiện kiểm kê khí thải nhà kính và báo cáo đầy đủ cho cơ quan chức năng theo đúng quy định. Năm 2024 Công ty tiếp tục thực hiện kiểm kê khí thải nhà kính đầy đủ.

- Thực hiện tốt công tác quản lý môi trường Công ty đã được UBND Tỉnh Đồng Nai cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước. Tổ chức chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn, chất thải sinh hoạt cho đơn vị chức năng xử lý theo đúng quy định.

- Hệ thống làm mát khí thải sau khi đầu tư sửa chữa đã phát huy hiệu quả tốt, không gây khói bụi ra môi trường xung quanh.

- Để Công ty ngày càng phát triển bền vững, trong năm qua Công ty đã triển khai thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường như trồng thêm cây xanh, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống lò gia nhiệt trung tần đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường.

- Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt Quy chuẩn Việt Nam về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn để định kỳ xử lý.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất: Sắt thép vụn 117.489 tấn.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm: VICASA là đơn vị sử dụng 100% nguồn sắt thép vụn trong nước để sản xuất phôi thép hoặc thép thành phẩm.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp gồm: Than cho lò hồ quang, dầu DO cho xe vận chuyển, phát thải từ hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn năng lượng tiêu thụ cho phát thải gián tiếp: Công ty sử dụng điện trong hoạt động sản xuất của Công ty (mua từ công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai).

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tăng tối đa tỷ lệ cán nóng (tận dụng nhiệt sau quá trình đúc từ 900 - 950°C để đưa vào máy cán) giúp giảm tiêu hao điện trong quá trình cán thép.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty CP cấp nước Đồng Nai cung cấp; tổng lượng nước sử dụng trong năm: 148.500 m³.

b) Tổng lượng nước tái sử dụng trong năm: 10.800 m³, tỷ lệ phần trăm lượng nước tái sử dụng: Khoảng 7,3%.

6.5. Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lao động, mức lương trung bình đối với Người lao động

Số lao động đến ngày 31/12/2024: 290 người. Lao động bình quân trong năm: 302 người/tháng. Mức thu nhập bình quân của CBCNV năm 2024 là: 15,93 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp với chất lượng dịch vụ cao hơn năm trước: 3,636 triệu đồng/người (năm 2023: 3,492 triệu đồng/người). Thực hiện chế độ nghỉ mát cho CBCNV: 4.000.000 đồng/người. Mua bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn của Công ty Bảo Việt cho CBCNV...

c) Hoạt động đào tạo cho người lao động

Triển khai áp dụng sơ đồ mạng nhện trong đào tạo đối với công nhân. Trong năm đã tổ chức lập kế hoạch đào tạo theo sơ đồ mạng nhện cho công nhân của các phân xưởng. Trong

năm 2024, đã tổ chức đào tạo 190 công nhân theo sơ đồ mạng nhện để nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân.

- Tổ chức lớp đào tạo “Tổ chức hệ thống sản xuất theo mô hình LEAN”.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty thực hiện nhiều hoạt động xã hội, tiêu biểu như: Ủng hộ UBND Phường An Bình tổ chức chương trình hỗ trợ chăm lo cho đối tượng chính sách, gia đình nghèo, khó khăn cơ nhỡ không nơi nương tựa trên địa bàn 15.000.000 đồng; hỗ trợ kinh phí để nâng cấp sân, xây dựng hàng rào, cải tạo mặt bằng quanh nhà văn hóa khu phố và lắp đặt máy tập thể dục của UBND Phường An Bình: 10.000.000 đồng...

- Vận động CBCNV hiến máu nhân đạo: đã hiến được 104 đơn vị máu.
- Vận động CBCNV ủng hộ đồng bào miền Bắc bị ảnh hưởng bởi lũ lụt do cơn bão số 3 gây ra: 105.305.000 đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động của thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty đã cử 04 chuyên viên làm công tác kế toán của Công ty đi học nghiệp vụ chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) để áp dụng sau năm 2025.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đặc điểm tình hình: Năm 2024 là năm khó khăn đối với ngành thép:

- Thị trường thép thế giới: Tình hình xung đột địa chính trị nhiều khu vực trên thế giới tiếp tục căng thẳng gây ảnh hưởng đến quá trình xuất khẩu, lưu thông hàng hóa. Trong đó thị trường xuất khẩu thép cũng chịu nhiều sức ép khi giá thép Trung Quốc và Đông Nam Á tiếp tục giảm giá, tạo sức ép đối với hàng trong nước.

- Thị trường trong nước: Thị trường trầm lắng do nhu cầu tiêu thụ rất yếu, lượng hàng nhập khẩu từ Trung Quốc tràn vào Việt Nam tăng mạnh gây khó khăn cho thị trường trong nước. Giá thành phẩm vẫn giữ xu hướng giảm liên tục, áp lực cạnh tranh về giá vẫn đang là bài toán nan giải đối với Công ty. Các đối thủ có tiềm lực tài chính mạnh thực hiện chính sách chiếm lĩnh thị trường, đưa sản phẩm với giá rẻ, thu mua phế liệu giá cao...

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024: Lợi nhuận sau thuế TNDN 1,047 tỷ đồng. Kết quả sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận năm 2024 Công ty không đạt chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra. Tuy nhiên trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và trong nước suy thoái do nhiều yếu tố khách quan, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã cố gắng đạt được lợi nhuận tương đối, duy trì sản xuất, đáp ứng đầy đủ, kịp thời chủng loại sản phẩm cho thị trường và đảm bảo việc làm, thu nhập cho Người lao động. Tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV Công ty cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL quyết tâm cùng đoàn cùng đoàn kết vượt qua khó khăn, phấn đấu sẽ hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất – tiêu thụ và lợi nhuận năm 2025.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản

- Tài sản tính đến cuối năm 2024 so với đầu kỳ tăng 37,315 tỷ đồng (tăng 13,20%). Trong đó: Tài sản ngắn hạn tăng 50,526 tỷ đồng (tăng 20,68%); Tài sản dài hạn giảm 13,210 tỷ đồng (giảm 34,49%).

- So với cùng kỳ, tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản giảm, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản tăng lên. Nguyên nhân chủ yếu do giá trị hàng tồn kho tăng và phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng.

- Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ so với đầu kỳ tăng 26,555 tỷ đồng (tăng 15,79%), chủ yếu do tăng tồn kho thép phế liệu, phôi thép.

2.2. Tình hình nợ phải trả

- Nợ phải trả cuối năm 2024 là 127,609 tỷ đồng: tăng so với đầu kỳ là 37,153 tỷ đồng (tăng 41,07%) chủ yếu là khoản nợ phải trả cuối năm 2024 tăng so với đầu năm và khoản vay ngắn hạn so với năm 2023 tăng (tăng 11,15 tỷ đồng).

- Nguồn vay vốn lưu động được kiểm soát chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đảm bảo cho việc sử dụng nguồn vốn đạt hiệu quả.

Khoản đóng góp ngân sách năm 2024: Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 13,863 tỷ đồng. Trong đó: Thuế GTGT = 11,400 tỷ đồng; Thuế TNDN = 0,912 tỷ đồng; Thuế TNCN = 1,383 tỷ đồng...

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

- Công ty đã chủ động cung ứng đủ, kịp thời số lượng các loại vật tư, nguyên liệu, phụ tùng cho sản xuất và sửa chữa thiết bị trong năm. Các nguồn cung cấp dần đi vào ổn định cả về chất lượng và giá cả.

- Bố trí hợp lý mặt bằng kho bãi, tạo điều kiện thuận lợi để bảo quản tốt vật tư hàng hóa ở từng đơn vị, quy hoạch các bãi bê tông chứa thép vụn. Vì vậy, có đủ điều kiện để chế biến liệu cho sản xuất thép luyện và lượng phế liệu tồn kho 31/12/2024 là 8.548 tấn.

- Sử dụng 100% liệu nội, tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu trong nước sản xuất được.

- Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

+ Sản xuất phôi thép: 150.000 tấn

+ Sản xuất và tiêu thụ thép cán: 105.000 tấn

+ Doanh thu: 1.629,58 tỷ đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 5,00 tỷ đồng

- Việc di dời Công ty:

Theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND Tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa I thành Khu đô thị - Thương mại – Dịch vụ và cải thiện môi trường, Công ty nằm trong diện di dời giai đoạn 2, hoàn thành trước tháng 12/2025.

Ngày 28/06/2024, Công ty đã gửi Công văn số 21/VB-VCS cho Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai về việc xin hướng dẫn, giới thiệu của các cơ quan ban ngành trong việc tìm kiếm vị trí di dời phù hợp cũng như có phương án hỗ trợ cụ thể cho doanh nghiệp để có đủ thông tin thực hiện báo cáo cho cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn chưa có phương án hỗ trợ di dời.

Công ty đang tiếp tục xây dựng phương án di dời phù hợp để trình các cấp thẩm quyền phê duyệt, cũng như đề xuất ý kiến về việc cho giãn thời gian di dời phù hợp tình hình thực tế tại Công ty.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý môi trường như: Chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn, chất thải sinh hoạt cho đơn vị chức năng xử lý theo đúng quy định. Công ty đã triển khai trồng thêm cây xanh, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống lò gia nhiệt trung tần đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường. Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt tiêu chuẩn về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng để định kỳ xử lý.

- Định kỳ Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng nghề cho người lao động. Các chính sách về lương, thưởng chi trả cho người lao động theo đúng quy định và thỏa ước lao động được ký. Thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc trích nộp BHXH cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp hàng năm cho người lao động.

- Công ty tham gia đóng góp đầy đủ các hoạt động do địa phương phát động như: Chăm lo tốt cho người có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ trẻ em nghèo hiếu học, hỗ trợ thăm hỏi gia đình chính sách người có công tại địa phương...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua Nghị quyết, trong đó có phương hướng sản xuất kinh doanh và giao cho Hội đồng Quản trị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. HĐQT đã xác định chiến lược, mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh và giao cho Tổng Giám đốc điều hành, triển khai thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị từng quý.

Trong năm, HĐQT thực hiện tốt chức năng giám sát, để đảm bảo công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Năm 2024, thị trường thế giới có nhiều diễn biến phức tạp và thị trường trong nước gặp nhiều khó khăn, do vậy kết quả sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận năm 2024 Công ty không đạt chỉ tiêu Nghị quyết ĐHCĐ đã đề ra. Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn chung của thị trường, HĐQT Công ty đã nỗ lực và chủ động đề ra chiến lược, giải pháp kinh doanh phù hợp để duy trì sản xuất, đáp ứng đầy đủ, kịp thời chủng loại sản phẩm cho thị trường và đảm bảo việc làm, thu nhập cho Người lao động.

2. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi giám sát các hoạt động, các công việc điều hành quản lý của Ban Tổng Giám đốc, phối hợp với Ban Kiểm soát kiểm tra các vấn đề chủ yếu sau:

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội Đồng cổ đông thường niên và Hội đồng Quản trị đề ra. Đặc biệt thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch

sản xuất kinh doanh, chính sách đầu tư và các chỉ tiêu về kinh tế để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám đốc, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực định hướng phát triển Công ty.

- Ban điều hành đã chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, quy chế quản lý tài chính và các quy định pháp lý hiện hành của Nhà nước.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025, HĐQT Công ty có kế hoạch đánh giá định kỳ việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu về kinh tế kỹ thuật và cập nhật kế hoạch đầu tư di dời Khu công nghiệp Biên Hòa I, để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám đốc theo đúng định hướng phát triển Công ty để mang lại hiệu quả cao nhất, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Xuân Sơn)	3.796.875	25 %	Chủ tịch HĐQT
2	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Ngô Tiến Thọ)	2.278.125	15 %	TV HĐQT, TGD
3	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Văn Thoan)	2.278.125	15 %	TV HĐQT
4	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Hoàng Ngọc Chiến)	1.518.750	10 %	TV HĐQT
5	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng (Đại diện: Ông Nguyễn Bảo Giang)	1.084.629	7,14 %	TV HĐQT

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp hàng quý trong năm. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của Ban kiểm soát với tư cách là quan sát viên.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cuộc họp	Số lần tham dự
1	Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT	5	5/5
2	Huỳnh Công Du	Thành viên HĐQT	5	5/5
3	Nguyễn Đông Vững	Thành viên HĐQT	2	2/2

4	Nguyễn Văn Thoan	Thành viên HĐQT	5	5/5
5	Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT	3	3/3
6	Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT	5	5/5

Qua các cuộc họp trên, Hội đồng quản trị đã ra các Nghị quyết/Quyết định trong năm như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT-VCA	27/01/2024	Nghị quyết HĐQT về Kế hoạch SXKD Quý I/2024.	100%
2	02/NQ-HĐQT-VCA	02/02/2024	Nghị quyết về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và ngày đăng ký cuối cùng.	100%
3	04/NQ-HĐQT-VCA	16/04/2024	Nghị quyết Hợp HĐQT quý I/2024 của Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL.	100%
4	05/NQ-HĐQT-VCA	03/6/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc bổ nhiệm 02 Phó TGĐ và 01 Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL.	100%
5	06/NQ-HĐQT-VCA	16/7/2024	Nghị quyết Hợp HĐQT quý II/2024 của Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL.	100%
6	07/NQ-HĐQT-VCA	09/8/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc miễn nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc.	100%
7	08/NQ-HĐQT-VCA	27/8/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường và ngày đăng ký cuối cùng.	100%
8	09/NQ-HĐQT-VCA	25/9/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc thông qua Dự thảo Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024.	100%
9	10/NQ-HĐQT-VCA	18/10/2024	Nghị quyết của HĐQT về việc miễn nhiệm Kế toán trưởng.	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	12/NQ-HĐQT-VCA	17/10/2024	Nghị quyết hợp HĐQT quý III/2024 của Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL.	100%
11	13/NQ-HĐQT-VCA	25/12/2024	Về việc thông qua chủ trương hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP trong năm 2025	100%
12	01/QĐ-HĐQT-VCA	30/01/2024	Quyết định Chi trả thù lao HĐQT, BKS Quý IV/2023	100%
13	02/QĐ-HĐQT-VCA	01/03/2024	Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ 2024 và thành lập Ban tổ chức ĐH	100%
14	03/QĐ-HĐQT-VCA	12/4/2024	Quyết định vv Miễn nhiệm Phó TGD ông Hoàng Đức Hoa	100%
15	04/QĐ-HĐQT-VCA	15/4/2024	Quyết định chi thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành	100%
16	05/QĐ-HĐQT-VCA	15/4/2024	Quyết định chi thưởng cho Ban Tổ chức ĐHĐCĐ năm 2024	100%
17	06/QĐ-HĐQT-VCA	03/5/2024	Quyết định chi trả thù lao HĐQT, BKS, TK HĐQT Quý I/2024	100%
18	07/QĐ-HĐQT-VCA	03/6/2024	Quyết định bổ nhiệm Phó TGD đối với ông Nguyễn Quyết Chiến	100%
19	08/QĐ-HĐQT-VCA	03/6/2024	Quyết định bổ nhiệm Phó TGD đối với ông Vũ Hồng Khanh	100%
20	09/QĐ-HĐQT-VCA	03/6/2024	Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng đối với bà Trương Thị Kim Anh	100%
21	10/QĐ-HĐQT-VCA	04/6/2024:	Quyết định phân công HĐQT Công ty	100%
22	11/QĐ-HĐQT-VCA	09/8/2024	Quyết định miễn nhiệm Tổng Giám đốc	100%
23	12/QĐ-HĐQT-VCA	09/8/2024	Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
24	13/QĐ-HĐQT-VCA	16/8/2024	Quyết định chi trả thù lao HĐQT, BKS, TK HĐQT Quý II/2024	100%
25	14/ QĐ-HĐQT-VCA	16/8/2024	Quyết định thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2024	100%
26	15/ QĐ-HĐQT-VCA	11/10/2024	Quyết định chi trả thù lao HĐQT, BKS, TK HĐQT Quý III/2024	100%
27	16/ QĐ-HĐQT-VCA	17/10/2024	Quyết định miễn nhiệm Kế toán trưởng	100%

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Hội đồng quản trị có 01 thành viên độc lập là Ông Nguyễn Bảo Giang

- Thành viên HĐQT độc lập đã được HĐQT và Công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động. Thành viên HĐQT độc lập có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò của mình và đã đề xuất nhiều giải pháp, đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật. Thành viên HĐQT độc lập cũng đã thực hiện tốt chức năng định hướng phát triển Công ty, thông qua việc hoạch định, kiểm soát và điều chỉnh các quyết định chiến lược. Các quyết sách của Ban Điều hành được phân tích, phản biện và tham vấn từ Thành viên HĐQT độc lập để có giải pháp tối ưu cho lợi ích của Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách thành viên Ban kiểm soát đến ngày 31/12/2024 sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Phước Hải	0	0,0000%	Trưởng Ban
2	Đặng Minh Đức	0	0,0000%	Ủy viên
3	Nguyễn Bạch Đường	1.462	0,0096%	Ủy viên

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2024 Ban kiểm soát đã tham gia 04 cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp BKS để lên kế hoạch công tác, thực hiện chức năng giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và trình các kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2024 bao gồm:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, có ý kiến và kiến nghị trong phạm vi quyền hạn, chức năng theo điều lệ quy định.

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch năm 2024;
- Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành;
- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn năm 2024;
- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính năm 2024 nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Thu nhập, thù lao: Danh sách HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập 2024 (VNĐ)	Thù lao + thưởng (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
1	Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT	575.168.000	-	575.168.000
2	Huỳnh Công Du	- Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09/08/2024); - Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 18/10/2024).	561.355.000	-	561.355.000
3	Ngô Tiến Thọ	- Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 09/08/2024); - Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 18/10/2024).	168.245.000	-	168.245.000
4	Nguyễn Đông Vững	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 05/04/2024)	200.055.500	-	200.055.500
5	Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 05/04/2024)		24.000.000	24.000.000
6	Nguyễn Văn Thoan	Thành viên HĐQT		60.000.000	60.000.000
7	Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT		60.000.000	60.000.000
8	Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám đốc	487.848.000	-	487.848.000
9	Hoàng Đức Hoa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/04/2024)	206.605.500	-	206.605.500
10	Nguyễn Quyết Chiến	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 03/06/2024)	416.782.000	-	416.782.000
11	Vũ Hồng Khanh	Phó Tổng Giám đốc	429.893.500	-	429.893.500

		(bổ nhiệm ngày 03/06/2024)			
12	Trương Thị Kim Anh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 20/10/2024)	445.408.259	-	445.408.259
13	Nguyễn Phước Hải	Trưởng BKS	418.889.000	0	418.889.000
14	Nguyễn Bạch Đường	Thành viên BKS	299.411.398	42.000.000	341.411.398
15	Đặng Minh Đức	Thành viên BKS	-	42.000.000	42.000.000
	Tổng cộng		4.209.661.157	228.000.000	4.437.661.157

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2024 Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan của Công ty như sau:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Đơn vị 100% vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	0100100047-004	KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, TX Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Năm 2024	Nghị quyết số: 03/NQ-ĐHĐCĐ-VCA ngày 05/4/2024	726.237.778.856	
2	Công ty CP Thép Nhà Bè	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	0305393838	KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, T.Đồng Nai	Năm 2024	Quyết định số: 209/QĐ-VCS của HĐQT ngày 31/12/2023	120.020.505.316	

3	Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	3500106761	KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, TX Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Năm 2024	Quyết định số: 209/QĐ-VCS của HĐQT ngày 31/12/2023	84.327.398.000	
4	Công ty Cổ phần Kim Khí TP.Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	0300399360	193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM	Năm 2024	Quyết định số: 209/QĐ-VCS của HĐQT ngày 31/12/2023	36.583.197.623	
5	Công ty Cổ phần Cơ Khí Luyện Kim	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	3600869728	Đường số 2, KCN Biên Hòa I, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Năm 2024	Quyết định số: 209/QĐ-VCS của HĐQT ngày 31/12/2023	3.415.619.000	
6	Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	0305409326	Km 9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM	Năm 2024	Quyết định số: 209/QĐ-VCS của HĐQT ngày 31/12/2023	310.348.144	
7	Công ty Tôn Phương Nam	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	3603125854	Đường số 9, KCN Biên Hòa I, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Năm 2024	Quyết định số: 209/QĐ-VCS của HĐQT ngày 31/12/2023	5.454.546	
8	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Công ty liên kết với Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	0400101605	Số 16 Thái Phiên, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Năm 2024	Quyết định số: 209/QĐ-VCS của HĐQT ngày 31/12/2023	50.436.774.529	

9	Công ty Cổ Phần Lưới Thép Bình Tây	Công ty liên kết với Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	0303357746	117 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2024	Quyết định số: 209/QĐ-VCS của HĐQT ngày 31/12/2023	87.786.815	
10	Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	0300648264	406 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2024	Quyết định số: 209/QĐ-VCS của HĐQT ngày 31/12/2023	886.079.874	
11	Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết với Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	0300828997	136A Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	Năm 2024	Quyết định số: 209/QĐ-VCS của HĐQT ngày 31/12/2023	358.887.000	

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

TT	Nội dung / Các bên có liên quan	Giá trị (triệu đồng)	Ghi chú
1	Công ty TNHH Thép VINAKYOEI	84.327	Người có liên quan của Ông Ngô Tiến Thọ - thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty. Ngô Tiến Thọ đồng thời là thành viên Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Thép VINAKYOEI

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về việc công bố thông tin, xây dựng Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty theo quy định. Công ty đã cập nhật những thay đổi để thực hiện điều chỉnh, bổ sung các quy định về quản trị theo đúng quy định đối với Công ty niêm yết.

VI. Báo cáo Tài chính năm 2024:

1. Ý kiến của Kiểm toán viên:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Kiểm toán viên: **Đào Trung Thành** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 4700-2024-002-1) đã ký.

Phó Tổng Giám đốc: **Ngô Minh Quý** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2434-2023-002-1) đã ký.

2. Báo cáo tài chính năm 2024:

2.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024:

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		294.871.007.160	244.345.089.965
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	28.034.599.442	18.369.443.481
1. Tiền	111		28.034.599.442	18.369.443.481
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2		
III. Các khoản phải thu	130		63.446.360.178	55.223.076.790
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	63.153.395.560	54.106.027.951
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.14	180.714.618	925.164.047
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	112.250.000	191.884.792
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	194.766.173.064	168.211.256.498
1. Hàng tồn kho	141		194.766.173.064	168.211.256.498
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.623.874.476	2.541.313.196
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	1.450.964.295	2.541.313.196
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.17	6.821.824.649	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		351.824.649	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.094.356.797	38.305.147.177
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		17.144.721.483	28.065.770.561
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	17.144.721.483	28.065.770.561
- Nguyên giá	222		392.819.715.852	392.819.715.852
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(375.674.994.369)	(364.753.945.291)
III. Bất động sản đầu tư	230			

IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		575.983.500	575.983.500
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	575.983.500	575.983.500
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.373.651.814	9.663.393.116
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	7.373.651.814	9.663.393.116
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		319.965.363.957	282.650.237.142

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		127.608.967.046	90.455.887.467
I. Nợ ngắn hạn	310		127.608.967.046	90.455.887.467
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	47.036.970.345	5.971.672.723
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			4.344.817.076
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17		2.684.970.518
4. Phải trả người lao động	314		10.630.656.767	17.211.833.265
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	7.873.769.665	4.941.113.921
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19	1.474.162.909	1.314.224.950
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15	60.433.592.638	49.285.520.014
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23		4.701.735.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		159.814.722	
II. Nợ dài hạn	330			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		192.356.396.911	192.194.349.675
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	192.356.396.911	192.194.349.675
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.873.220.000	151.873.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.873.220.000	151.873.220.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.441.721.380	20.441.721.380
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.999.169.000	14.999.169.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.042.286.531	4.880.239.295
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.005.303.583	(2.410.891.639)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.036.982.948	7.291.130.934
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		319.965.363.957	282.650.237.142

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

(Đơn vị tính: VND)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2024	NĂM 2023
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	1.361.919.134.847	1.726.954.696.995

2	Các khoản giảm trừ doanh thu (02=04+05+06+07)	02	VII.2	4.161.082.266	1.992.040.722
2.1	- Chiết khấu thương mại	04		4.161.082.266	1.992.040.722
2.2	- Giảm giá hàng hoá	05		-	-
2.3	- Hàng bán bị trả lại	06		-	-
2.4	- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	07		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.357.758.052.581	1.724.962.656.273
4	Giá vốn hàng bán	11	VII.3	1.328.119.083.164	1.668.538.536.099
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.638.969.417	56.424.120.174
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	1.065.344.105	233.522.045
7	Chi phí tài chính	22	VII.5	3.673.806.484	8.898.768.163
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.617.829.729	8.809.249.504
8	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9	Chi phí bán hàng	25	VII.8.b	12.739.005.135	14.414.018.713
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8.a	13.244.604.487	24.492.876.587
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		1.046.897.416	8.851.978.756
12	Thu nhập khác	31	VII.6	-	90.206.667
13	Chi phí khác	32	VII.7	-	-
14	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	90.206.667
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.046.897.416	8.942.185.423
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%)	51	VII.10	9.914.468	1.651.054.489
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.036.982.948	7.291.130.934
19	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61			
20	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62			
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		68	480
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Toàn văn Báo cáo Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần thép VICASA-VNSTEEL được đăng tải trên Website www.vicasasteel.com

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2024 của: **Công ty Cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL; Mã chứng khoán: VCA**

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT HCM;
- Lưu: HĐQT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Ngô Tiến Thọ